

BỘ CÔNG THƯƠNG

BÁO CÁO

Đánh giá tác động chính sách của Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Trong khoảng 20 năm tồn tại và phát triển ở Việt Nam, hoạt động bán hàng đa cấp từ tình trạng hoạt động tự do khi mới du nhập đến nay đã được quản lý chặt chẽ bởi các quy định pháp luật ở các cấp độ khác nhau. Một số luật chuyên ngành đã có quy định điều chỉnh hoạt động này như Luật cạnh tranh 2004 hay Luật doanh nghiệp 2015.

Từ năm 2005 đến nay, Chính phủ đã 03 lần ban hành các Nghị định quy định cơ chế quản lý đối với hình thức kinh doanh này, khởi đầu với Nghị định 110/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2005 về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp, sau đó được thay thế bởi Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2014 về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và gần đây nhất là Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

Nghị định số 40/2018/NĐ-CP gồm 8 Chương, 61 Điều đã bổ sung nhiều quy định mới nhằm nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp bán hàng đa cấp, tăng cường hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về hoạt động bán hàng đa cấp, hướng tới xây dựng một môi trường kinh doanh lành mạnh trong lĩnh vực này.

Nghị định 40/2018/NĐ-CP đã giúp các cơ quan quản lý thực hiện hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động bán hàng đa cấp, các doanh nghiệp bất chính và kém hiệu quả đã dần bị loại khỏi thị trường, không còn xảy ra các vụ việc nghiêm trọng như thời gian trước đây, số lượng doanh nghiệp giảm dần qua các năm nhưng doanh thu của ngành tăng đáng kể so với giai đoạn trước.

Qua thực tiễn thực thi các quy định của Nghị định 40/2018/NĐ-CP, Bộ Công Thương nhận thấy một số chính sách cần được xem xét điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn, một số quy định cần được điều chỉnh để đảm bảo tính khả thi. Hầu hết các Sở Công Thương đều đề xuất sửa đổi các quy định nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương.

Bên cạnh đó, tình hình mới đã có nhiều thay đổi, hoạt động bán hàng đa cấp tiếp tục cần được quản lý chặt chẽ nhưng phải phù hợp với chủ trương chung của Chính phủ về tăng cường thu hút đầu tư, tạo điều kiện tối đa cho doanh động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tháo gỡ các rào cản về pháp lý nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp tối đa hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Do đó, Bộ Công Thương đã kiến nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp và được Thủ tướng Chính phủ đồng ý, giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị định.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

a) Mục tiêu tổng thể

Mục tiêu tổng thể của việc sửa đổi, bổ sung Nghị định 40/2018/NĐ-CP là tiếp tục tạo hành lang pháp lý quản lý hiệu quả hoạt động bán hàng đa cấp thông qua việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật hiện hành, hướng đến:

- Nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp, ngăn ngừa các hoạt động bán hàng đa cấp bất chính, hoạt động lợi dụng bán hàng đa cấp để trục lợi bất chính;

- Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các doanh nghiệp hoạt động bán hàng đa cấp;

- Tạo thuận lợi cho các cơ quan quản lý cũng như doanh nghiệp trong quá trình thực thi và tuân thủ các quy định về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp.

b) Mục tiêu cụ thể

Để đạt được mục tiêu tổng thể nêu trên, Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 40 tập trung vào một số mục tiêu cụ thể sau:

- Bổ sung công cụ rà soát uy tín của doanh nghiệp muốn gia nhập thị trường, hạn chế nguy cơ doanh nghiệp đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp rồi lợi dụng hoạt động này để thực hiện các hoạt động lừa đảo hay hợp thức hóa cho các hoạt động bất hợp pháp khác;

- Bổ sung các quy định nhằm nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp bán hàng đa cấp, đặc biệt là vấn đề liên quan đến các hoạt động xuyên biên giới như bảo trợ quốc tế;

- Giải quyết vấn đề vướng mắc được hầu hết các Sở Công Thương quan tâm liên quan đến hiện diện của doanh nghiệp tại địa phương, đảm bảo hiệu quả quản lý tại địa phương nhưng cũng không gây khó khăn cho việc vận hành của doanh nghiệp;

- Khắc phục những vướng mắc liên quan đến việc sử dụng khoản tiền ký quỹ để bảo đảm quyền lợi cho người tham gia khi doanh nghiệp đã chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp.

- Sửa đổi các quy định chưa phù hợp trong các thủ tục hành chính, đảm bảo thuận lợi cho việc thực thi của cơ quan quản lý và việc tuân thủ của doanh nghiệp.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

2.1. Chính sách 1: Bổ sung điều kiện đã hoạt động bán hàng đa cấp tối thiểu 3 năm liên tiếp ở nước khác đối với doanh nghiệp đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại Việt Nam

2.1.1. Xác định vấn đề bất cập

Trong những năm vừa qua, công tác quản lý hoạt động bán hàng đa cấp được tăng cường mạnh mẽ với sự vào cuộc đồng bộ của các cơ quan từ Trung ương đến địa phương. Từ năm 2016 đến nay, số lượng doanh nghiệp đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp giảm đến 2/3. Trong đó, 1/3 số doanh nghiệp bị thu hồi giấy chứng nhận, 1/3 số doanh nghiệp chấm dứt hoạt động do hoạt động không hiệu quả.

Mặc dù vậy, vẫn có nhiều doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký mới. Từ năm 2018 đến nay, có gần 20 doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp đến Bộ Công Thương. Trong đó, hơn 2/3 là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Việc các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài muốn tham gia vào thị trường Việt Nam là tín hiệu tốt về mặt thu hút đầu tư, tạo nhiều tác động tích cực cho nền kinh tế. Tuy nhiên, đối với lĩnh vực kinh doanh theo phương thức đa cấp thì cần có những đánh giá nhất định khi xem xét đề xuất gia nhập thị trường của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Kinh doanh theo phương thức đa cấp là phương thức kinh doanh đã xuất hiện hàng trăm năm và được thừa nhận ở nhiều quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, đến nay vẫn có nhiều tranh cãi về bản chất của loại hình kinh doanh này bởi có nhiều vụ việc lừa đảo xảy ra trên cơ sở lợi dụng mô hình kinh doanh theo phương thức đa cấp. Vấn đề này không chỉ xảy ra ở các nước đang phát triển mà còn ở các nước phát triển trên thế giới bao gồm cả Hoa Kỳ hay Italia. Nhiều vụ việc liên quan đến mô hình lừa đảo Ponzi đã bị xử lý ở nhiều quốc gia trên thế giới. Ở Việt Nam, cũng có một số vụ việc bị xử lý hình sự liên quan đến doanh nghiệp bán hàng đa cấp như vụ việc liên quan đến Công ty Cổ phần Liên kết sản xuất thương mại Việt Nam (Liên Kết Việt), vụ việc liên quan đến Công ty TNHH Nhượng quyền thương mại Thăng Long. Ngoài ra, cũng có doanh nghiệp đầu tư nước ngoài bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp vì các hành vi bị cấm như Công ty TNHH BHIP, Công ty TNHH Morinda Việt Nam.

Hầu hết các quốc gia trên thế giới đều có xu hướng quản lý chặt chẽ đối với các doanh nghiệp hoạt động theo hình thức này. Nhiều quốc gia thực hiện cơ chế sàng lọc doanh nghiệp theo cơ chế tiền kiểm nhằm hạn chế tối đa nguy cơ xảy ra lừa đảo khi các doanh nghiệp kinh doanh đa cấp tham gia thị trường trong nước. Đặc biệt, một số quốc gia có cơ chế chọn lọc doanh nghiệp đầu tư nước ngoài với các điều kiện nhằm đảm bảo mức độ tín nhiệm nhất định. Ví dụ, Trung Quốc yêu cầu doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký bán hàng đa cấp ở nước này phải có ít nhất 03 năm hoạt động bán hàng đa cấp ở một quốc gia khác.

Pháp luật Việt Nam hiện nay đã quy định một số điều kiện đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp nhưng chưa có quy định có tính chất sàng lọc như trên. Do đó, cần xem xét bổ sung để đảm bảo hạn chế tối đa nguy cơ các doanh nghiệp bất chính tham gia vào thị trường, lợi dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp được cấp để thu lợi bất chính, gây tổn hại về vật chất và tinh thần cho người dân.

2.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Vấn đề sàng lọc nhà đầu tư nước ngoài cần được giải quyết nhằm hạn chế tối đa nguy cơ doanh nghiệp có động cơ bất chính đăng ký để được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp sau đó lợi dụng giấy chứng nhận làm bình phong để hoạt động bất chính, gây thiệt hại cho cộng đồng.

2.1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Phương án 1. Bổ sung quy định nhà đầu tư nước ngoài đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp ở Việt Nam phải có thời gian hoạt động bán hàng đa cấp tối thiểu là 03 năm liên tục ở một quốc gia khác trên thế giới.

Phương án 2. Giữ nguyên như quy định hiện nay.

2.1.4. Đánh giá tác động của các phương án

Phương án 1.

- *Tác động kinh tế:* Với việc sàng lọc kỹ uy tín, kinh nghiệm của doanh nghiệp tham gia thị trường, Phương án này giúp giảm nguy cơ doanh nghiệp lợi dụng việc được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp để lừa đảo, thu lợi bất chính, nhờ đó hạn chế nguy cơ xảy ra các thiệt hại về tài sản cho người dân Việt Nam. Một vụ việc lừa đảo trong hoạt động bán hàng đa cấp thường có quy mô rất lớn. Ví dụ, vụ việc lừa đảo liên quan đến Công ty Cổ phần Liên kết sản xuất Thương mại Việt Nam (xét xử năm 2020) có đến 68.000 bị hại tại 49 tỉnh, thành trên cả nước, lừa đảo số tiền lên đến 1.121 tỷ đồng. Việc ban hành các giải pháp pháp lý nhằm ngăn chặn những vụ việc có quy mô lớn như vậy là hết sức cần thiết có ý nghĩa lớn về mặt kinh tế.

Ngược lại, phương án này cũng có nguy cơ cản trở sự phát triển khi hạn chế nguồn vốn đầu tư từ các nhà đầu tư nước ngoài chưa có nhiều kinh nghiệm hoạt động bán hàng đa cấp. Các nhà đầu tư nước ngoài thường có tiềm lực tài chính lớn, nguồn vốn đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài là động lực quan trọng thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam. Với yêu cầu về vốn điều lệ và tiền ký quỹ tối thiểu 10 tỷ đồng, doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực bán hàng đa cấp thường có quy mô tài chính lớn hơn các doanh nghiệp ngành khác. Hiện nay doanh nghiệp đầu tư nước ngoài có vốn điều lệ lớn nhất trong ngành bán hàng đa cấp là Amway Việt Nam với số vốn điều lệ hơn 300 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, việc kiểm soát chặt đối với nhà đầu tư nước ngoài cũng là rào cản ngăn cản người tiêu dùng trong nước tiếp cận, sử dụng các sản phẩm có chất lượng tốt từ các quốc gia trên thế giới thông qua kênh bán hàng đa cấp.

- *Tác động xã hội:* Phương án này có thể giúp ngăn ngừa các tác động tiêu cực về xã hội thông qua việc sàng lọc, hạn chế khả năng người dân Việt Nam bị lợi dụng hay lừa đảo bởi các hoạt động kinh doanh đa cấp bất chính, ngăn ngừa các thiệt hại về tài sản và góp phần giữ gìn, bảo tồn các giá trị đạo đức truyền thống.

Tuy nhiên, chính sách này cũng làm mất đi những cơ hội việc làm và thu nhập tiềm năng cho người dân Việt Nam. Hoạt động bán hàng đa cấp là hoạt động được thực hiện thông qua mạng lưới đông đảo người tham gia, do đó có khả năng tạo việc làm cho rất nhiều người. Hiện nay trên cả nước có 22 doanh nghiệp bán hàng đa cấp nhưng có đến hơn 800.000 người tham gia và hơn 50% trong số đó có hoa hồng từ hoạt động bán hàng đa cấp. Như vậy, trung bình mỗi doanh nghiệp có khoảng 36.000 người tham gia, trong đó 18.000 người có hoa hồng, thu nhập từ hoạt động bán hàng đa cấp.

- *Tác động về giới của chính sách:* chính sách này không có tác động cụ thể về giới

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Phương án này khiến doanh nghiệp phát sinh trách nhiệm chứng minh việc đã hoạt động bán hàng đa cấp 03 năm liên tiếp ở một quốc gia khác khi đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp ở Việt Nam, theo đó sẽ phát sinh các chi phí và thời gian cho việc chuẩn bị tài liệu chứng minh điều kiện này mặc dù chi phí là không lớn.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* đây là một điều kiện đầu tư kinh doanh được bổ sung so với quy định hiện hành. Qua đánh giá cho thấy quy định này đảm bảo phù hợp với các nguyên tắc trong việc quy định điều kiện đầu tư kinh doanh tại khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 7 Luật đầu tư 2020.

Việc đề nghị doanh nghiệp cung cấp tài liệu chứng minh trong hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp là khả thi trên thực tế.

Qua rà soát các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia là thành viên, Bộ Công Thương nhận thấy phương án này có liên quan đến quy định về nguyên tắc về đối xử quốc gia quy định tại Điều 17 Hiệp định chung về thương mại dịch vụ - GATS.

Tuy nhiên, Điều 14 Hiệp định GATS quy định về những ngoại lệ, trong đó có trường hợp nhằm *ngăn ngừa các hành vi lừa đảo và gian lận hoặc để giải quyết hậu quả của việc không thanh toán hợp đồng dịch vụ*.

Với việc hoạt động bán hàng đa cấp thường xuyên bị lợi dụng để thực hiện các hành vi lừa đảo trên quy mô lớn, gây thiệt hại về tài sản và các giá trị đạo đức xã hội trong thời gian qua, việc áp dụng ngoại lệ nêu trên là cần thiết nhằm mục tiêu ngăn ngừa các hành vi lừa đảo, gian lận thông qua hoạt động bán hàng đa cấp.

Phương án 2.

- *Tác động kinh tế*: Phương án này giúp tăng cường thu hút các nguồn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, tạo động lực phát triển kinh tế trong nước.

Tuy nhiên, phương án này không có khả năng sàng lọc doanh nghiệp, không làm giảm nguy cơ chịu các thiệt hại về kinh tế cho người dân Việt Nam so với Phương án 1. Trường hợp doanh nghiệp không đủ uy tín gia nhập được thị trường và sau đó lợi dụng hoạt động bán hàng đa cấp để trục lợi bất chính, thiệt hại sẽ là rất lớn vì các doanh nghiệp bán hàng đa cấp hoạt động thông qua mạng lưới người tham gia rất đông đảo.

- *Tác động xã hội*: Phương án này giúp tạo ra nhiều công ăn việc làm và thu nhập cho người dân nếu các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào Việt Nam. Tuy nhiên, trường hợp doanh nghiệp bất chính gia nhập được thị trường, bóp méo hoạt động bán hàng thành hoạt động tuyển dụng, sử dụng các thủ đoạn bất chính để thu lợi bất hợp pháp sẽ gây tác động mạnh mẽ về xã hội, gây mất đoàn kết, mất niềm tin giữa những người thân quen trong gia đình, làm tổn hại đến các giá trị văn hóa truyền thống.

- *Tác động về giới của chính sách*: Chính sách này không có tác động cụ thể về giới

- *Tác động về thủ tục hành chính*: Phương án này không tạo ra sự thay đổi, phát sinh nào về thủ tục hành chính.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật*: Phương án này không làm phát sinh mâu thuẫn với hệ thống pháp luật hiện hành.

2.1.5. Kiến nghị

Bộ Công Thương lựa chọn Phương án 1 nhằm sàng lọc tốt hơn doanh nghiệp gia nhập vào ngành bán hàng đa cấp ở Việt Nam, giảm nguy cơ gây thiệt hại về kinh tế, xã hội đối với người dân Việt Nam.

2.2. Chính sách 2: Xác định rõ phạm vi hoạt động bán hàng đa cấp tại Việt Nam

2.2.1. Xác định vấn đề bất cập

Qua công tác quản lý hoạt động bán hàng đa cấp, Bộ Công Thương nhận thấy các doanh nghiệp bán hàng đa cấp có vận hành mạng lưới bán hàng mang tính quốc tế. Theo đó, hoạt động bán hàng đa cấp ở Việt Nam có thể liên quan đến mạng lưới ở nước ngoài thông qua cơ chế bảo trợ: trong hoạt động bán hàng đa cấp, mỗi người khi tham gia vào mạng lưới sẽ có người giới thiệu, bảo trợ và dẫn dắt, hỗ trợ trong quá trình hoạt động và người bảo trợ sẽ được hưởng những lợi ích nhất định từ mạng lưới tuyến dưới do mình bảo trợ; trên bình diện quốc tế, người ở Việt Nam có thể bảo trợ người đang hoạt động ở quốc gia khác và người ở quốc gia khác cũng bảo trợ người tham gia ở Việt Nam, và điều này làm phát sinh vấn đề quyền lợi kinh tế của những người ở nước này nhưng bảo trợ mạng lưới ở nước khác. Thực tế này dẫn đến một số vấn đề rõ ràng về cơ chế quản lý, trả thưởng cũng như vấn đề về tài chính:

Thứ nhất, trường hợp doanh nghiệp nước ngoài trả thưởng những khoản thưởng riêng cho người tham gia ở Việt Nam độc lập với doanh nghiệp bán hàng đa cấp ở Việt Nam trên cơ sở việc bảo trợ quốc tế của người đó: có thể coi là doanh nghiệp nước ngoài đang hoạt động bán hàng đa cấp không phép ở Việt Nam bởi hoạt động của họ chưa được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền ở Việt Nam.

Thứ hai, về cách thức chi trả, có doanh nghiệp thực hiện việc chi hộ rồi sau đó nhận lại khoản tiền này từ phía doanh nghiệp nước ngoài. Điều này có thể dẫn đến sự không minh bạch trong việc trả thưởng, dẫn đến nguy cơ lẩn tránh các khoản thu của nhà nước nếu không được kê khai rõ ràng.

Thứ ba, với chính sách này, doanh nghiệp có thể chuyển doanh thu ra nước ngoài với lý do trả thưởng cho nhà phân phối bảo trợ quốc tế nhà phân phối ở Việt Nam. Theo đó, nhà nước cũng thất thu đối với khoản thu nhập này.

Thứ tư, khi người ở Việt Nam bảo trợ người nước ngoài hoạt động ở thị trường nước ngoài, các điều kiện để người tham gia ở Việt Nam được thăng cấp và trả thưởng cũng đến từ sự đóng góp của hệ thống tuyến dưới hoạt động ở nước ngoài. Tuy nhiên, cơ quan quản lý không thể quản lý được phần sinh từ nước ngoài, không rõ phần đó phát sinh có thực tế hay không, có chính xác hay không. Điều này sẽ dẫn đến những vấn đề không rõ ràng trong thực tế kinh doanh. Doanh nghiệp bất chính có thể cho phép người tham gia đầu tư để nâng

cấp bậc rồi lý giải việc tăng cấp đó xuất phát từ thị trường nước ngoài. Hoặc trường hợp xảy ra tranh chấp giữa nhà phân phối với doanh nghiệp bán hàng đa cấp liên quan đến phần doanh số phát sinh ở nước ngoài thì cơ quan quản lý không thể can thiệp để bảo vệ quyền lợi người tham gia ở Việt Nam.

Thứ năm, cơ chế bảo trợ quốc tế là cơ sở, động lực cho các chủ thể tổ chức các hoạt động tiền thị trường, hoạt động bán hàng đa cấp không phép ở Việt Nam trước, hoặc khi đăng ký với cơ quan có thẩm quyền. Mục đích của các chủ thể này là thiết lập sẵn một mạng lưới người tham gia hoạt động ở Việt Nam, sau đó sẽ đăng ký với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, và trở thành người bảo trợ đầu tiên cho hệ thống người tham gia ở Việt Nam. Khi hệ thống ở Việt Nam phát triển, những người này sẽ được hưởng các khoản hoa hồng phát sinh rất lớn mặc dù họ không hoạt động ở Việt Nam.

Hiện nay, Việt Nam chỉ cam kết mở cửa đối với dịch vụ bán lẻ, trong đó có bán lẻ theo phương thức đa cấp, đối với hình thức hiện diện pháp nhân tại Việt Nam. Các hình thức hoạt động bán hàng đa cấp xuyên biên giới chưa được cam kết, do đó chúng ta không có nghĩa vụ phải cho phép các chủ thể hoạt động xuyên biên giới và thu lợi từ thị trường Việt Nam trong hoạt động bán hàng đa cấp.

2.2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Vấn đề này cần được giải quyết nhằm đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp bán hàng đa cấp:

- Đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp;
- Đảm bảo khả năng quản lý, giám sát của cơ quan quản lý ở Việt Nam đối với các hoạt động của doanh nghiệp bán hàng đa cấp tại Việt Nam;
- Đảm bảo thu được thuế từ doanh thu tại Việt Nam của doanh nghiệp;
- Đảm bảo việc tuân thủ pháp luật Việt Nam của doanh nghiệp hoạt động đa quốc gia.

2.2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Phương án 1.

Nêu rõ quan điểm chỉ thừa nhận hoạt động bán hàng đa cấp đối với hình thức hiện diện pháp nhân tại Việt Nam, theo đó quy định rõ kế hoạch trả thưởng của doanh nghiệp tại Việt Nam chỉ được áp dụng với người tham gia tại Việt Nam, không áp dụng với các hoạt động xuyên biên giới.

Phương án 2. Cho phép thực hiện các hoạt động bán hàng đa cấp xuyên biên giới mà không cần hiện diện ở Việt Nam.

2.2.4. Đánh giá tác động của các phương án

Phương án 1.

- *Tác động kinh tế:* Phương án này giúp cho cơ quan quản lý dễ dàng hơn trong việc quản lý, giám sát hoạt động của doanh nghiệp tại Việt Nam. Phương án này đảm bảo doanh nghiệp không thể lợi dụng chính sách bảo trợ quốc tế để chuyển tiền ra nước ngoài thông qua chi trả hoa hồng hoặc nâng khống cấp bậc và hoa hồng của người tham gia trong nước với lý do điều này đến từ hoạt động kinh doanh ở nước ngoài.

Phương án này cũng góp phần ngăn chặn việc các doanh nghiệp, người tham gia cấp cao ở nước ngoài vào Việt Nam xây dựng mạng lưới người tham gia bất hợp pháp: hiện nay trên thực tế có tình trạng các doanh nghiệp đang hoạt động ở các nước khác hoặc người tham gia cấp cao của họ vào Việt Nam làm tiền thị trường, xây dựng mạng lưới người tham gia khi chưa đăng ký với Bộ Công Thương. Đây là hoạt động bất hợp pháp, đã bị cấm bởi Nghị định 40/2018/NĐ-CP. Sau khi đã xây dựng được một mạng lưới nhất định, họ đăng ký hoạt động và nghiêm nhiên bảo trợ toàn bộ hệ thống người tham gia ở Việt Nam và thu lợi từ hoạt động của hệ thống này. Do đó, việc không cho phép hoạt động bảo trợ quốc tế sẽ khiến những chủ thể này không có động lực để xây dựng hệ thống bất hợp pháp ở Việt Nam.

Phương án này làm hạn chế khả năng hoạt động, phát triển hoạt động kinh doanh xuyên biên giới của các doanh nghiệp đa quốc gia cũng như người tham gia bán hàng đa cấp ở các quốc gia khác nhau.

Theo kết quả khảo sát của Bộ Công Thương, hầu hết các doanh nghiệp trả lời khảo sát đều cho biết hiện không áp dụng chính sách bảo trợ quốc tế hoặc có nhưng số lượng người có bảo trợ quốc tế chiếm tỉ lệ rất nhỏ trong tổng số lượng người tham gia. Do đó quy định này ảnh hưởng không lớn đến hoạt động của doanh nghiệp.

- *Tác động xã hội:* Phương án này không có vấn đề về tác động xã hội.

- *Tác động về giới của chính sách:* chính sách này không có tác động cụ thể về giới

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Phương án này không tạo ra sự thay đổi, phát sinh nào về thủ tục hành chính.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* phương án này không phát sinh mâu thuẫn với hệ thống pháp luật hiện hành.

Phương án 2:

- *Tác động kinh tế:* Phương án này không đảm bảo phần nào khả năng giám sát, quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước đối với các hoạt động xuyên

biên giới của các doanh nghiệp đa quốc gia. Cơ quan quản lý cũng không có khả năng kiểm chứng đối với các kết quả kinh doanh của hệ thống tuyến dưới ở nước ngoài của người tham gia ở Việt Nam.

Phương án này khiến cơ quan quản lý gặp khó khăn trong việc quản lý nguồn thu nhập của người tham gia, dẫn đến khó khăn trong việc thu thuế thu nhập cá nhân.

Về phía doanh nghiệp, phương án này giúp doanh nghiệp không bị xáo trộn trong hoạt động, không phải điều chỉnh mô hình, chính sách hoạt động tại Việt Nam.

Về phía người tham gia, phương án này giúp người tham gia của doanh nghiệp ở cả nước ngoài và Việt Nam duy trì được các lợi ích từ việc bảo trợ người tham gia ở nước ngoài, không bị ảnh hưởng về tài chính, thu nhập và cấp bậc.

- *Tác động xã hội*: Phương án này giúp người tham gia ở Việt Nam có điều kiện tiếp cận với những sự hỗ trợ về kinh nghiệm, kỹ năng từ những người tham gia thành công ở nước ngoài, giúp họ có đầy đủ cơ hội phát triển hoạt động kinh doanh một cách tốt nhất.

- *Tác động về giới của chính sách*: Chính sách này không có tác động cụ thể về giới.

- *Tác động về thủ tục hành chính*: Phương án này không tạo ra sự thay đổi, phát sinh nào về thủ tục hành chính.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật*: Không có.

2.2.5. Kiến nghị

Bộ Công Thương kiến nghị lựa chọn Phương án 1 nhằm đảm bảo khả năng thực hiện các biện pháp quản lý nhà nước đối với hoạt động bán hàng đa cấp.

2.3. Chính sách 3: Nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động của doanh nghiệp bán hàng đa cấp tại địa phương

2.3.1. Xác định vấn đề bất cập

Nghị định 40/2018/NĐ-CP quy định trường hợp doanh nghiệp không có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương nơi doanh nghiệp có hoạt động bán hàng đa cấp, doanh nghiệp phải cử một người đại diện tại địa phương đó. Người đại diện này sẽ được đăng ký với Sở Công Thương để làm đầu mối làm việc của doanh nghiệp tại địa phương.

Tuy nhiên, trên thực tế quy định này không phát huy hiệu quả như mong muốn. Theo phản ánh của các Sở Công Thương, doanh nghiệp thường cử người đại diện mang tính chất đối phó, để có được xác nhận đăng ký hoạt động tại địa phương từ Sở Công Thương. Khi các Sở Công Thương liên hệ làm việc, người đại diện tại địa phương của doanh nghiệp thường không nắm được thông tin về hoạt động của doanh nghiệp, chỉ tiếp nhận thông tin và chuyển về cho Công ty xử lý. Theo đó, cơ quan quản lý tại địa phương cũng không thể làm việc với người đại diện để nắm bắt hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn.

Do đó, nhiều ý kiến đặt ra vấn đề cần quy định doanh nghiệp phải có chi nhánh tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp có hoạt động bán hàng đa cấp nhằm nâng cao tính minh bạch đồng thời tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước tại địa phương.

2.3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Mục tiêu giải quyết vấn đề này là nhằm tạo lập cơ chế quản lý hiệu quả hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương nhưng cũng đảm bảo không gây khó khăn, tăng chi phí cho doanh nghiệp trong việc tuân thủ pháp luật.

2.3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Phương án 1. Quy định doanh nghiệp hoạt động bán hàng đa cấp tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại địa phương đó.

Phương án 2. Giữ nguyên quy định như hiện nay, theo đó doanh nghiệp hoạt động bán hàng đa cấp tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải cử người đại diện tại địa phương đó nhưng đưa ra các yêu cầu, điều kiện cụ thể đối với người đại diện nhằm đảm bảo hiệu quả của vai trò đại diện. Một số yêu cầu, điều kiện có thể được tính đến như:

- Không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 Nghị định (Người đang chấp hành hình phạt tù hoặc có tiền án về các tội sản xuất, buôn bán hàng giả, sản xuất, buôn bán hàng cấm, quảng cáo gian dối, lừa dối khách hàng, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, chiếm giữ trái phép tài sản, tội vi phạm quy định về kinh doanh theo phương thức đa cấp);

- Đã được cấp xác nhận kiến thức đối với người đại diện tại địa phương;

- Có đủ thẩm quyền và trách nhiệm đại diện cho doanh nghiệp bán hàng đa cấp để làm việc, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp của doanh nghiệp tại địa phương theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh theo phương thức đa cấp.

2.3.4. Đánh giá tác động của các phương án

Phương án 1.

- Tác động kinh tế:

Tác động tích cực của phương án này là tạo thuận lợi tối đa cho công tác quản lý hoạt động bán hàng đa cấp ở địa phương. Khi doanh nghiệp có địa điểm hoạt động cụ thể, công tác giám sát, theo dõi, thanh tra, kiểm tra đều có thể được thực hiện dễ dàng và thuận lợi hơn. Khi cần liên hệ làm việc, nếu không liên hệ được qua điện thoại hoặc văn bản, cơ quan quản lý ở địa phương có thể đến trực tiếp địa điểm hoạt động của doanh nghiệp để nắm bắt tình hình và triển khai các biện pháp quản lý phù hợp.

Bên cạnh đó, trường hợp doanh nghiệp thành lập chi nhánh hạch toán độc lập, địa phương cũng có thể thu thuế nhằm bổ sung cho nguồn ngân sách của địa phương.

Tuy nhiên, Phương án này tạo thuận lợi cho cơ quan quản lý nhưng gây khó khăn rất lớn cho các doanh nghiệp trong việc tuân thủ. Việc vận hành một tổ chức công kênh với chi nhánh hoặc văn phòng đại diện ở khắp các tỉnh, thành phố sẽ gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc quản trị cũng như tuân thủ pháp luật ở từng địa phương.

Các doanh nghiệp cho rằng việc vận hành chi nhánh, văn phòng đại diện ở tất cả các địa phương nơi doanh nghiệp hoạt động sẽ tạo gánh nặng tài chính rất lớn và bất hợp lý. Có doanh nghiệp cho rằng để duy trì người đại diện tại các địa phương, mỗi năm doanh nghiệp tiêu tốn hơn 02 tỷ đồng. Khi thành lập chi nhánh, số lượng nhân sự tăng lên nhiều lần, đồng thời doanh nghiệp phải mất thêm chi phí cố định thuê địa điểm và các chi phí vận hành bộ máy này. Như vậy chi phí sẽ tăng lên nhiều lần.

Trong khi đó, nhiều địa phương doanh nghiệp chỉ có một số lượng ít người tham gia bán hàng đa cấp hoạt động. Doanh thu do những người này mang về thậm chí có thể không bằng chi phí vận hành một chi nhánh, chưa nói đến vấn đề lợi nhuận.

Mặt khác, về bản chất, hoạt động bán hàng đa cấp là hoạt động phân phối bán lẻ thông qua lực lượng người tham gia di chuyển linh hoạt, không có địa điểm cố định như hoạt động phân phối thông thường. Do đó, việc yêu cầu doanh nghiệp phải có địa điểm kinh doanh cố định là đi ngược với bản chất của mô hình kinh doanh đa cấp.

- Tác động xã hội:

Việc tạo thuận lợi cho công tác quản lý hoạt động bán hàng đa cấp ở địa phương sẽ góp phần kiểm soát tốt hoạt động kinh doanh này, đảm bảo trật tự an

toàn xã hội, hạn chế các vấn đề bức xúc trong nhân dân do các đối tượng lợi dụng bán hàng đa cấp để trục lợi bất chính gây ra.

Phương án này cũng tạo thêm việc làm cho người dân địa phương vì các chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp cần phải tuyển dụng lao động vào làm việc thường xuyên.

- *Tác động về giới của chính sách:* chính sách này không có tác động cụ thể về giới.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Phương án này làm phát sinh nhiều thủ tục hành chính cho doanh nghiệp như thủ tục thành lập chi nhánh, thủ tục đăng ký thuế, thủ tục báo cáo thuế...

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* quy định của phương án này không mâu thuẫn, chồng chéo với quy định nào trong hệ thống pháp luật hiện hành.

Phương án 2.

- *Tác động về kinh tế:*

Phương án này không làm phát sinh các trách nhiệm, nghĩa vụ mới của doanh nghiệp khi đăng ký và hoạt động tại địa phương.

Về mục tiêu quản lý nhà nước, phương án này cũng giúp đạt được mục tiêu thông qua việc nâng cao vai trò của người đại diện tại địa phương bằng các quy định về yêu cầu, điều kiện nhằm đảm bảo người đại diện tại địa phương phát huy được vai trò trên thực tế, là cầu nối hiệu quả giữa các cơ quan quản lý ở địa phương với doanh nghiệp.

Việc đảm bảo vai trò của người đại diện tại địa phương cũng có thể được giải quyết bằng thực tiễn quá trình thực thi thông qua các chế tài xử lý vi phạm chứ không nhất thiết phải điều chỉnh quy định pháp luật.

Phương án này không làm gia tăng chi phí tuân thủ của doanh nghiệp như phương án thành lập chi nhánh. Về hiệu quả kinh tế, phương án này cũng giúp các doanh nghiệp đạt hiệu quả về kinh tế tốt hơn nhờ không bị tăng chi phí tuân thủ trong khi hoạt động kinh doanh vẫn có thể triển khai bình thường.

Tuy nhiên, Phương án này không đảm bảo được hiệu quả quản lý nhà nước như phương án thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện.

- *Tác động về xã hội:* Phương án này không gây ra tác động về xã hội.

- *Tác động về giới của chính sách:* chính sách này không có tác động cụ thể về giới

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Phương án này cơ bản không tạo ra sự thay đổi, phát sinh nào về thủ tục hành chính.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* phương án này không thay đổi so với thực tế hiện nay, do đó không gây tác động nào đối với hệ thống pháp luật hiện hành.

2.3.5. Kiến nghị

Bộ Công Thương kiến nghị lựa chọn Phương án 2 nhằm vừa đảm bảo hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động bán hàng đa cấp ở địa phương nhưng cũng không làm gia tăng chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.

2.4. Chính sách 4: Quy định rõ các điều kiện sử dụng tiền ký quỹ của doanh nghiệp bán hàng đa cấp

2.4.1. Xác định vấn đề bất cập

Mục đích việc sử dụng ký quỹ để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người tham gia trong trường hợp doanh nghiệp bán hàng đa cấp chấm dứt hoạt động nhưng còn chưa giải quyết các quyền lợi hợp pháp cho người tham gia.

Điểm a khoản 1 Điều 53 Nghị định 40/2018/NĐ-CP quy định tiền ký quỹ được sử dụng khi: Doanh nghiệp bán hàng đa cấp chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định này nhưng không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp đối với người tham gia bán hàng đa cấp và có quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật của cơ quan có thẩm quyền về việc xử lý các tranh chấp giữa doanh nghiệp bán hàng đa cấp với người tham gia bán hàng đa cấp liên quan đến các nghĩa vụ đó.

Tuy nhiên, Nghị định 40/2018/NĐ-CP không quy định rõ như thế nào là “các nghĩa vụ liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp đối với người tham gia bán hàng đa cấp”. Điều này ảnh hưởng đến việc xác định trường hợp nào được sử dụng tiền ký quỹ.

Trên thực tế có nhiều trường hợp người tham gia đã khởi kiện ra tòa án và có bản án của tòa tuyên hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp vô hiệu đồng thời vẫn tuyên doanh nghiệp bán hàng đa cấp phải trả tiền cho người tham gia. Tuy nhiên, việc hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp bị tuyên vô hiệu dẫn đến hệ quả pháp lý là hai bên không có các quyền và nghĩa vụ với nhau liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp. Điều này dẫn đến việc Cục CT&BVNTD không ban hành văn bản đề nghị ngân hàng sử dụng khoản tiền ký quỹ của doanh nghiệp bán hàng đa cấp để chi trả cho người tham gia dù đã có bản án của tòa án về tranh chấp giữa các bên.

Cũng có trường hợp bản án không tuyên hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp vô hiệu, yêu cầu doanh nghiệp bán hàng đa cấp phải trả tiền cho người tham gia bán hàng đa cấp. Tuy nhiên, nội dung bản án cho thấy bản chất của giao dịch là người tham gia đã nộp tiền nhưng không lấy hàng hoặc đã lấy nhưng gửi lại hàng, theo đó Tòa án tuyên doanh nghiệp phải trả lại tiền cho người tham gia tương ứng với số tiền mua hàng đã trả. Trong trường hợp này, các bên thực chất không thực hiện hoạt động bán hàng đa cấp mà chỉ đầu tư và cùng nhau thực hiện các giao dịch ảo, không có hàng hóa, các bên không nhằm mục đích mua – bán hàng hóa, không đúng bản chất của hoạt động bán hàng đa cấp. Theo đó, việc xác định nghĩa vụ trả tiền của doanh nghiệp trong trường hợp này có phải là “*nghĩa vụ liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp*” hay không cũng không rõ ràng. Điều này dẫn đến lúng túng trong việc xác định có chấp thuận sử dụng tiền ký quỹ để giải quyết quyền lợi cho người tham gia bán hàng đa cấp hay không.

2.4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Để giải quyết vướng mắc thực tế hiện nay liên quan đến đề nghị sử dụng tiền ký quỹ của những người đã có bản án có hiệu lực của tòa án về tranh chấp với doanh nghiệp bán hàng đa cấp, cần xác định rõ nghĩa vụ nào của doanh nghiệp là nghĩa vụ liên quan đến bán hàng đa cấp.

2.4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Phương án 1. Quy định rõ nghĩa vụ nào là nghĩa vụ liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp, nghĩa vụ nào không liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp. Cụ thể: các nghĩa vụ liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp gồm nghĩa vụ trả thưởng theo kế hoạch trả thưởng, nghĩa vụ mua lại hàng hóa nếu người tham gia trả lại hàng theo đúng quy định. Các nghĩa vụ phát sinh không trên cơ sở hợp đồng, quy tắc hoạt động, kết hoạch trả thưởng, ví dụ như trả lại hàng hóa mà người tham gia đã nhận rồi gửi tạm ở Công ty, không được coi là nghĩa vụ liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp.

Phương án 2. Không quy định cụ thể thế nào là “*nghĩa vụ liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp*”.

2.4.4. Đánh giá tác động của các phương án

Phương án 1.

- Tác động về kinh tế:

Phương án này có tác động tích cực trong việc giải quyết đề nghị sử dụng tiền ký quỹ, giúp xác định rõ nghĩa vụ nào của doanh nghiệp sẽ được giải quyết bằng tiền ký quỹ, giải quyết được tình trạng lúng túng như thực tiễn hiện nay. Các bản án do tòa án ban hành có hiệu lực pháp luật sẽ được thi hành một cách nhanh chóng, rõ ràng.

Việc quy định cụ thể cũng giúp người tham gia bán hàng đa cấp có tranh chấp với doanh nghiệp dễ dàng xác định được tranh chấp của mình có thuộc diện được sử dụng tiền ký quỹ hay không, từ đó thực hiện việc khởi kiện ra tòa án để yêu cầu giải quyết quyền lợi, tránh trường hợp mất thời gian công sức theo dõi vụ kiện dân sự tại tòa án nhưng sau đó lại được xác định là không thuộc trường hợp được sử dụng tiền ký quỹ.

Phương án này giúp tiết kiệm thời gian, chi phí cho người liên quan có quyền lợi được giải quyết theo bản án có hiệu lực của tòa án. Người được thi hành án sẽ không mất thời gian, công sức và chi phí liên hệ, đi lại, làm việc với tòa án, các cơ quan thi hành án và cơ quan thực hiện thủ tục sử dụng tiền ký quỹ như hiện nay.

Bản thân cơ quan thi hành án, cơ quan thực hiện thủ tục sử dụng tiền ký quỹ cũng tiết kiệm được kinh phí trong việc liên hệ làm việc và thống nhất cách thức thi hành từng bản án.

- Tác động xã hội:

Việc quy định rõ theo phương án này cũng giúp ổn định tâm lý, nguyện vọng của người dân có bản án được thi hành, hạn chế những bức xúc của họ khi bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng chưa được thi hành để đảm bảo quyền lợi của mình.

- Tác động về giới của chính sách: chính sách này không có tác động cụ thể về giới.

- Tác động của thủ tục hành chính: phương án này giúp thủ tục sử dụng tiền ký quỹ được thực hiện thuận lợi, rõ ràng, không vướng mắc như hiện nay.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: quy định của phương án này phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành.

Phương án 2.

- Tác động về kinh tế:

Phương án này không tạo ra sự thay đổi so với thực tế hiện nay. Theo đó, người dân và các cơ quan quản lý đều tốn kém nhiều chi phí cho việc tham gia tố tụng tại tòa án và thủ tục thi hành án cũng như sử dụng tiền ký quỹ.

- Tác động về xã hội: Phương án này không khác biệt so với thực tế hiện nay, do đó không cải thiện được tình trạng bức xúc của người dân khi thực hiện thủ tục sử dụng tiền ký quỹ.

- *Tác động về giới của chính sách:* Phương án này không có tác động cụ thể về giới.

- *Tác động của thủ tục hành chính:* phương án này không thay đổi so với thực tế hiện nay, do đó không có các tác động về thủ tục hành chính.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Phương án này không tạo ra thay đổi so với hệ thống pháp luật hiện hành.

2.4.5. Kiến nghị

Bộ Công Thương kiến nghị lựa chọn Phương án 1 nhằm giải quyết vấn đề thực tiễn và pháp lý hiện nay liên quan đến việc sử dụng tiền ký quỹ, đảm bảo việc thi hành các bản án của tòa án đối với các tranh chấp giữa các bên có liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp.

Ngoài các vấn đề nêu trên, Nghị định 40/2018/NĐ-CP cũng còn một số vướng mắc về quy định cụ thể cần điều chỉnh nhằm nâng cao hiệu quả thực thi. Tuy nhiên, các vướng mắc này là các vướng mắc kỹ thuật nhỏ, chỉ cần sửa đổi về câu chữ, do đó Cục CT&BVNTD không tiến hành đánh giá tác động chính sách.

2.5. Chính sách 5: Bổ sung quy định nhằm thúc đẩy việc bán hàng của người tham gia

2.4.1. Xác định vấn đề bất cập

Bán hàng đa cấp là phương thức phân phối bán lẻ hàng hóa, mục tiêu cuối cùng là đưa hàng hóa đến tay người tiêu dùng. Người tham gia được trả hoa hồng dựa trên kết quả bán hàng của bản thân mình và kết quả bán hàng của mạng lưới tuyến dưới do mình xây dựng. Như vậy, hoa hồng, tiền thưởng trong hoạt động bán hàng đa cấp đều phát sinh trên cơ sở kết quả hoạt động bán hàng của từng cá nhân trên mạng lưới. Và do đó, hoạt động bán hàng là hoạt động cơ bản của mỗi người tham gia bán hàng đa cấp.

Tuy nhiên, hiện nay một số doanh nghiệp đăng ký các kế hoạch trả thưởng trong đó không có khoản hoa hồng trực tiếp cho doanh số bán hàng cá nhân của bản thân người tham gia, trong khi đó lại có nhiều khoản thưởng khác xuất phát từ thành tích của mạng lưới.

Mô hình trả thưởng này không có tính chất khuyến khích người tham gia bán hàng để hưởng hoa hồng mà chỉ tập trung xây dựng mạng lưới. Do đó, doanh nghiệp có nguy cơ hoạt động không đúng bản chất của hoạt động bán hàng đa cấp đó là phân phối hàng hóa mà chủ yếu thực hiện các hoạt động huy động, kêu gọi người khác tham gia.

2.4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Khuyến khích hoạt động bán hàng của người tham gia thông qua quy định buộc doanh nghiệp chi trả một tỉ lệ nhất định hoa hồng dựa trên doanh số của bản thân người tham gia.

2.4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Phương án 1. Bổ sung quy định yêu cầu kế hoạch trả thưởng của doanh nghiệp phải đảm bảo tối thiểu 20% doanh thu bán hàng đa cấp trong một năm là doanh thu từ khách hàng không phải là người tham gia bán hàng đa cấp.

Phương án 2. Giữ nguyên như quy định hiện nay, theo đó không quy định mức hoa hồng tối thiểu trên doanh số cá nhân.

2.4.4. Đánh giá tác động của các phương án

Phương án 1.

- *Tác động về kinh tế:* Phương án này có tác động định hướng, đảm bảo hoạt động bán hàng đa cấp đi vào bản chất của hoạt động phân phối, theo đó mỗi người tham gia đều phải chú trọng hoạt động bán hàng chứ không chỉ tập trung cho hoạt động tuyển dụng, xây dựng mạng lưới. Theo đó, hoạt động của doanh nghiệp đảm bảo tính bền vững, lâu dài.

Tuy nhiên, Phương án này khiến các doanh nghiệp phải điều chỉnh kế hoạch trả thưởng để đảm bảo đáp ứng quy định. Điều này gây xáo trộn trong hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời khó khăn cho các doanh nghiệp hoạt động đa quốc gia, bởi kế hoạch trả thưởng của doanh nghiệp là kế hoạch áp dụng chung cho tất cả các quốc gia, và việc quản trị hoạt động của doanh nghiệp cũng áp dụng các chuẩn mực chung cho tất cả các quốc gia, trong đó có cơ chế tính thưởng và hệ thống công nghệ thông tin quản lý người tham gia.

- *Tác động xã hội:* Với việc hướng hoạt động của doanh nghiệp bán hàng đa cấp vào thực chất hoạt động phân phối, bán lẻ, quy định này sẽ giúp hạn chế sự hình thành các doanh nghiệp bán hàng đa cấp bất chính, qua đó giảm rủi ro về các thiệt hại tài sản cho người dân.

Xu hướng này cũng sẽ giúp giảm nguy cơ các chuẩn mực đạo đức, truyền thống tốt đẹp không bị làm méo mó bởi các hoạt động bán hàng đa cấp bất chính.

- *Tác động về giới của chính sách:* chính sách này không có tác động cụ thể về giới.

- *Tác động của thủ tục hành chính:* phương án này giúp thủ tục sử dụng tiền ký quỹ được thực hiện thuận lợi, rõ ràng, không vướng mắc như hiện nay.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* quy định của phương án này phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành.

Phương án 2.

- *Tác động về kinh tế:*

Phương án này không giúp hạn chế được các mô hình trả thưởng khuyến khích việc xây dựng mạng lưới, không bắt buộc người tham gia phải bán hàng, đi ngược với bản chất của hoạt động bán hàng đa cấp. Đây cũng là điều kiện thuận lợi để hình thành các mô hình kinh doanh đa cấp bất chính, chỉ xây dựng mạng lưới để hưởng thu nhập từ mạng lưới mà bản thân không bán hàng.

Nếu mỗi người tham gia đều hoạt động theo cách thức này thì hoạt động của doanh nghiệp không còn là hoạt động phân phối, bán hàng mà là hoạt động xây dựng mạng lưới, gắn với đó sẽ là các hình thức lừa dối, ép buộc để những người được mời tham gia mua hàng không đúng ý muốn, tạo thu nhập để chi trả cho tuyển trên.

- *Tác động về xã hội:*

Với việc không hướng hoạt động bán hàng đa cấp đi vào đúng bản chất, có nguy cơ các doanh nghiệp bất chính có thể đăng ký được các kế hoạch trả thưởng hợp pháp, nhưng không bán hàng mà chỉ xây dựng mạng lưới và tìm cách ép buộc hoặc dụ dỗ người tham gia mua hàng, thu tiền để trả cho tuyển trên. Những mô hình hoạt động như vậy chắc chắn sẽ bị sụp đổ khi không tuyển thêm được người hoặc người mới vào không mua hàng, kéo theo hệ lụy cho những người tham gia bị dụ dỗ, ép buộc.

- *Tác động về giới của chính sách:* Phương án này không có tác động cụ thể về giới.

- *Tác động của thủ tục hành chính:* phương án này không thay đổi so với thực tế hiện nay, do đó không có các tác động về thủ tục hành chính.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Phương án này không tạo ra thay đổi so với hệ thống pháp luật hiện hành.

2.4.5. Kiến nghị

Bộ Công Thương lựa chọn Phương án 1 nhằm thúc đẩy việc đưa hoạt động bán hàng đa cấp đi vào đúng bản chất, hạn chế khả năng gia nhập thị trường của các doanh nghiệp bất chính, không xây dựng hệ thống bán hàng mà xây dựng hệ thống tuyển dụng, lừa dối người tham gia.

III. Ý KIẾN THAM VẤN

Phần này nêu rõ việc lấy ý kiến về dự thảo báo cáo đánh giá tác động của chính sách (mô tả các phương pháp lấy ý kiến, phản hồi, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý): Việc lấy ý kiến góp ý đã được thực hiện trong quá trình xây dựng Đề nghị xây dựng Nghị định. Do đó, quá trình xây dựng Dự thảo, cơ quan chủ trì soạn thảo không lấy ý kiến đối với Báo cáo đánh giá tác động của chính sách.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Phần này nêu rõ cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách, giám sát đánh giá việc thực hiện chính sách: Bộ Công Thương, các Sở Công Thương và các cơ quan, đơn vị liên quan.

V. PHỤ LỤC

Các bảng, biểu tính toán chi phí và lợi ích của các giải pháp: không có.